

Số: 01/TB-HĐ

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

Nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang năm 2025

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 Ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Căn cứ Thông tư 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin; Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 của Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng III đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức;

Căn cứ Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 30/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 126/QĐ-PTTH ngày 11/4/2024 của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực đối với từng vị trí việc làm và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang;

Thực hiện Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng và ủy quyền xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Kế hoạch số 78/KH-PTTH ngày 05/02/2025 của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang về tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-PTTH ngày 05/02/2025 của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang;

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang thông báo thu, nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang năm 2025 như sau:

1. Đối tượng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng

Viên chức hiện đang giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV, hạng III đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp hiện giữ; có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng III, hạng II theo quy định của pháp luật; trong danh sách xét thăng hạng đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 (có danh sách kèm theo).

2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

2.1. Xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng II, Mã số: V.11.02.05

a) Đang giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng III, Mã số: V.11.02.06.

b) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng III (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 09 năm (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng III thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

c) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng III (hoặc

tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia thực hiện ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp cơ sở trở lên mà Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

d) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng III (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

2.2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính hạng II

a) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 32, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, được sửa đổi tại khoản 16, Điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

b) Có thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh chuyên viên thì thời gian giữ chức danh chuyên viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng (nếu có thời gian giữ chức danh chuyên viên không liên tục thì được cộng dồn);

c) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng xác nhận bằng văn bản (kèm theo hồ sơ) có một trong các nhiệm vụ khoa học sau:

Tham gia xây dựng quy chế, quy định, quy trình kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị nơi công tác đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận;

Tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu;

Tham gia xây dựng đề án, văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận;

d) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương có một trong các thành tích công tác sau:

Có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên;

Có ít nhất 02 năm công tác được đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2.3. Xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng III, Mã số: V.11.10.29:

a) Đang giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng IV, Mã số: V.11.10.30. Được cấp có thẩm quyền đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 01 (một) năm công tác liền kề với năm nộp hồ sơ dự xét; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

b) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng IV hoặc tương đương tối thiểu là 02 năm (đủ 24 tháng) (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ cao đẳng trở lên; 03 năm (đủ 36 tháng) (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

c) Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp phát thanh viên hạng III theo quy định tại Khoản 11, Điều 1, Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT, cụ thể:

- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng
- + Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;
- + Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành phát thanh viên.
- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ
- Nắm được quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; các quy định của Luật Báo chí và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Hiểu biết về xã hội học, phong tục, tập quán, nhu cầu và thị hiếu của bạn đọc trong nước và nước ngoài;
- Nắm được quy trình nghiệp vụ, quy phạm kỹ thuật, các thuật ngữ, văn phạm và văn phong của ngôn ngữ; sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, trong sáng, truyền cảm; nắm vững tinh thần, nội dung thông tin, chủ động, sáng tạo trong việc truyền tải thông tin đảm bảo đạt chất lượng cao;
- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.4. Xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng III, Mã số: V.11.06.14

a) Đang giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng IV, Mã số: V.11.06.15. Được cấp có thẩm quyền đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 01 (một) năm công tác liền kề với năm nộp hồ sơ dự xét; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

b) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng IV

hoặc tương đương tối thiểu là 02 năm (đủ 24 tháng, không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ cao đẳng, 03 năm (đủ 36 tháng) (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

c) Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng III theo quy định tại Khoản 4, Điều 11, Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin cụ thể:

- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng
 - + Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin;
 - + Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin.
- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ
 - + Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật và định hướng phát triển, chiến lược, chính sách, quy định của ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin;
 - + Nắm được tình hình và xu thế phát triển của ngành công nghệ thông tin trong nước và thế giới; có khả năng cập nhật, ứng dụng công nghệ, nền tảng và tiêu chuẩn mới trong hoạt động nghề nghiệp;
 - + Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, có kỹ năng soạn thảo văn bản nghiệp vụ được giao tham mưu, đề xuất;
 - + Thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, an toàn thông tin và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
 - + Sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số (đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số) theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Hồ sơ của người đăng ký dự xét thăng hạng

Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng có trách nhiệm chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức (mẫu HS02-VC/BNV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV), có xác nhận của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang.
- Bản nhận xét, đánh giá của Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định (về trình độ đào tạo; tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; đánh giá xếp loại chất lượng năm gần nhất với năm đăng ký xét thăng hạng).

- ~~Quyết định của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2024.~~

- Bản sao (công chứng) các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng. Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Bản sao (công chứng) các Quyết định liên quan của cá nhân, gồm: Quyết định tuyển dụng viên chức, quyết định hết tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp lần đầu, các quyết định chức danh nghề nghiệp khác và quyết định nâng lương trong toàn bộ quá trình công tác.

- Các minh chứng khác theo tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành (Chứng nhận tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; bằng khen hoặc danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc 02 lần đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên...).

4. Thời gian nhận hồ sơ dự xét thăng hạng

Hồ sơ dự xét thăng hạng nộp về Phòng Tổ chức và Hành chính từ ngày **10/02/2025 đến ngày 15/02/2025**. Quá thời hạn nêu trên, nếu cá nhân không nộp hồ sơ được hiểu là không có nhu cầu đề nghị xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2025.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ; (Báo cáo)
- Ban Giám đốc;
- Các phòng chuyên môn (thực hiện);
- Trang TTĐT tổng hợp;
- Lưu: VT-TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG
CHỦ TỊCH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC ĐÀI PHÁT THANH VÀ
TRUYỀN HÌNH TỈNH TUYÊN QUANG
Tăng Thị Hà**

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC DỰ KIẾN
XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHIỆP NĂM 2024**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc
		Nam	Nữ		
I	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức hành chính hạng II (Chuyên viên chính)				
1	Đỗ Thanh Bình	23/02/1967		Trưởng phòng	Phòng PT-TH tiếng dân tộc
2	Nguyễn Hải Thu	07/11/1977		Chuyên viên tổng hợp	Phòng Tổ chức và Hành chính
II	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phóng viên hạng II				
1	Lý Văn Vinh	02/12/1978		Trưởng phòng	Phòng Thời sự
2	Hoàng Thị Minh Phương		14/3/1979	Phó Trưởng phòng	Phòng PT-TH tiếng dân tộc
3	Đỗ Thị Thu Thường		31/12/1973	Phó Trưởng phòng	Phòng Chuyên đề
4	Trần Thị Thu Giang		23/02/1981	Phó Trưởng phòng	Phòng Văn nghệ và Giải trí
5	An Thị Thanh Thu		18/12/1977	Phó Trưởng phòng	Phòng Thời sự
6	Nguyễn Thái Văn	19/4/1985		Phó Trưởng phòng	Phòng Thời sự
7	Nguyễn Thị Lệ Thủy		20/12/1982	Phóng viên hạng III	Phòng Chuyên đề
8	Trương Thị Thúy Hà		12/11/1983	Phóng viên hạng III	Phòng Thời sự
9	Hoàng Thị Thu Phương		21/9/1981	Phóng viên hạng III	Phòng Biên tập
10	Ma Thế Cường	09/05/1986		Phóng viên hạng III	Phòng Chuyên đề
11	Lê Kim Thắng	16/10/1984		Phóng viên hạng III	Phòng Thời sự
12	Lương Thị Trà Mi		02/5/1987	Phóng viên hạng III	Thời sự
13	Phạm Lệ Huyền		11/5/1983	Phóng viên hạng III	Phòng Biên tập
14	Chu Thị Ngọc Bích		05/7/1991	Phóng viên hạng III	Thời sự
15	Nguyễn Việt Bách	10/9/1984		Phóng viên hạng III	Phòng Biên tập
16	Đoàn Thị Khuyến		20/4/1985	Phóng viên hạng III	Phòng Thời sự
17	Trần Thị Hồng Hạnh		14/3/1985	Phóng viên hạng III	Phòng Văn nghệ và Giải trí
18	Lê Xuân Sách	21/8/1976		Phóng viên hạng III	Phòng Văn nghệ và Giải trí
19	Ma Thị Phương Thảo		04/6/1978	Phóng viên hạng III	Phòng PT-TH tiếng dân tộc
20	Ma Thị Lắm		21/01/1981	Phóng viên hạng III	Phòng PT-TH tiếng dân tộc
21	Hà Tuấn Trường	16/9/1986		Phóng viên hạng III	Phòng Thời sự
22	Nông Văn Nam	12/5/1990		Phóng viên hạng III	Phòng Thời sự
III	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phát thanh viên hạng III				
1	Đỗ Minh Tuấn	07/7/1980		Phát thanh viên hạng IV	Phòng Văn nghệ và Giải trí
2	Quan Thị Vân		10/10/1983	Phát thanh viên hạng IV	Phòng Văn nghệ và Giải trí
3	Bùi Hồng Ngân		21/11/1988	Phát thanh viên hạng IV	Phòng Văn nghệ và Giải trí
IV	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp Công nghệ thông tin hạng III				
1	Nguyễn Mạnh Tuấn	02/8/1989		Công nghệ thông tin hạng IV	Phòng Kỹ thuật và Công nghệ